

| | | |
|--|----|--|
| riêng & rút ra kết luận - GV hướng dẫn HS chép vào vở, - Lưu ý: viết 516 lùi vào 2 cột so với tích riêng thứ nhất. | | 0 +Có thể bỏ bớt, không cần viết tích riêng này, mà vẫn dễ dàng thực hiện phép tính cộng. |
| 3.3Hoạt động 2: Thực hành Bài tập 1: Gọi HS đọc yêu cầu bài - Yêu cầu HS làm trên bảng con. - GV cần lưu ý: đây là bài tập cơ bản, cần kiểm tra kỹ, đảm bảo tất cả HS đều biết cách làm.GV cùng HS sửa bài nhận xét. | 10 | HS cả lớp làm bảng con + 1 HS lên bảng $\begin{array}{r} 523 \\ \times 305 \\ \hline 2615 \\ \underline{1569} \\ 159515 \end{array}$ $\begin{array}{r} 563 \\ \times 308 \\ \hline 4504 \\ \underline{1689} \\ 173404 \end{array}$ $\begin{array}{r} 1309 \\ \times 202 \\ \hline 2618 \\ \underline{2618} \\ 264418 \end{array}$ |
| Bài tập 2: Gọi HS đọc yêu cầu bài Bài tập yêu cầu gì? GV tổ chức cho HS thi đua - Mục đích của bài này là củng cố để HS nắm chắc vị trí viết tích riêng thứ hai. Sau khi HS chỉ ra phép nhân đúng (c), GV hỏi thêm vì sao các phép nhân còn lại sai. GV nhận xét – tuyên dương | 5 | HS đọc yêu cầu bài, lên bảng thực hiện phép tính , đối chiếu so sánh và điền vào ô trống, giải thích tại sao . a. Sai (tích riêng thứ 2 chưa lùi sang trái 2 cột -> kết quả sai) b. Sai (tích riêng thứ 2 chưa lùi sang trái 2 cột -> kết quả sai) c. Đúng |
| Bài tập 3: Gọi HS đọc yêu cầu bài - Bài toán cho biết gì? - Bài toán hỏi gì? Yêu cầu cả lớp giải vào vở GV chấm một số vở – nhận xét | 5 | HS đọc yêu cầu bài, ghi tóm tắt và giải vào vở <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> Số thức ăn 375 con gà ăn trong 1 ngày là : $104 \times 375 = 39000(g) = 39(kg)$ Số thức ăn 375 con gà ăn trong 10 ngày $39 \times 10 = 390 \text{ kg}$ <p style="text-align: right;"><u>Đáp số:</u> 390 kg</p> |
| 4. Củng cố Nêu cách nhân với số có 3 chữ số? - Nếu thừa số có số 0 ở giữa tích riêng thứ 3 viết thế nào? - Nhận xét tiết học | 2 | HS nêu nội dung bài học |
| 5. Dặn dò Chuẩn bị bài: Luyện tập | 1 | Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu |

TẬP ĐỌC
TIẾT 26: VĂN HAY CHỮ TỐT

I.MỤC TIÊU :

1.Kiến thức:

- Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn.
- Hiểu ND: Ca ngợi tính kiên trì, quyết tâm sửa chữ viết xấu để trở thành người viết chữ đẹp của Cao Bá Quát (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

2.Kĩ năng:

- HS đọc lưu loát toàn bài.
- Biết đọc diễn cảm bài văn với giọng kể từ tốn, đổi giọng linh hoạt phù hợp với diễn biến của câu chuyện, với nội dung ca ngợi quyết tâm & sự kiên trì của Cao Bá Quát.

3. Thái độ: Luôn có ý thức rèn luyện chữ viết, giữ gìn sách vở sạch đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Tranh minh hoạ
- Bảng phụ viết sẵn câu, đoạn văn cần hướng dẫn HS luyện đọc
- Một số vở sạch chữ đẹp của HS.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|---|----|---|
| 1. Ôn định tổ chức lớp | 1 | HS chuẩn bị sách vở, đồ dùng học tập |
| 2. Kiểm tra bài cũ Người tìm đường lên các vì sao - GV yêu cầu 2 – 3 HS nối tiếp nhau đọc bài & trả lời câu hỏi SGK GV nhận xét | 4 | - HS nối tiếp nhau đọc bài và trả lời câu hỏi - HS nhận xét |
| 3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Ngày xưa, ở nước ta, có 2 người văn hay chữ tốt được người đời ca tụng là Thần Siêu (Nguyễn Siêu), Thánh Quát (Cao Bá Quát). Bài đọc hôm nay kể về sự khổ công luyện chữ của Cao Bá Quát. Chữ viết thời xưa (chữ Nho) không giống chữ quốc ngữ của ta hiện nay. Viết đẹp chữ Nho rất khó. Vì vậy, người viết chữ đẹp rất được coi trọng. Các em đã đọc truyện <i>Người bán quạt may mắn</i> (Tiếng Việt 3, tập 2), đã biết 1 chiếc quạt có đề chữ của người viết đẹp nổi tiếng như ông Vương Hi Chi được coi là tài sản đáng giá nghìn vàng. | 1 | - HS xem tranh minh hoạ bài đọc Ghi tên bài học |
| 3.2 Hoạt động 1: Hướng dẫn luyện đọc GV chia đoạn - GV kết hợp sửa lỗi phát âm sai, ngắt nghỉ hơi chưa đúng hoặc giọng | 10 | - Mỗi HS đọc 1 đoạn theo trình tự các đoạn trong bài tập đọc (2 – 3 lượt) |

| | | |
|---|----|--|
| <p>đọc không phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV kết hợp giải nghĩa các từ chú thích , các từ mới ở cuối bài đọc - Yêu cầu 1 HS đọc lại toàn bài - GV đọc diễn cảm cả bài <p>Giọng từ tốn, đọc phân biệt lời các nhân vật</p> | | <ul style="list-style-type: none"> + Đoạn 1: từ đầu cháu xin sẵn lòng + Đoạn 2: tiếp theo ông dốc sức luyện chữ sao cho đẹp + Đoạn 3: phần còn lại + HS nhận xét cách đọc của bạn + HS đọc thầm phần chú giải - 2 HS đọc lại toàn bài - HS nghe |
| <p>3.3Hoạt động 2: Hướng dẫn tìm hiểu bài</p> <p>GV chia lớp thành 6 nhóm để các em đọc thầm và trả lời câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì sao Cao Bá Quát thường bị điểm kém? - Thái độ của Cao Bá Quát như thế nào khi nhận lời giúp bà cụ hàng xóm viết đơn? - GV nhận xét & chốt ý đoạn 1 - Sự việc gì xảy ra đã làm Cao Bá Quát phải ân hận? - GV nói thêm: Cao Bá Quát đã rất chủ quan khi nhận lời giúp bà cụ vì vậy sự thất vọng của bà cụ khi bị quan đuổi về đã làm cho Cao Bá Quát ân hận, dằn vặt - GV nhận xét & chốt ý đoạn 2 - Cao Bá Quát quyết chí luyện viết chữ như thế nào? <p>*GV yêu cầu HS đọc lướt toàn bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm đoạn mở bài, thân bài, kết luận của truyện? <p>GV nhận xét, kết luận Đoạn 3 ý nói gì?</p> | 11 | <p>Các nhóm đọc thầm bài, thảo luận trong nhóm - đại diện nhóm trả lời câu hỏi</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cao Bá Quát thường bị điểm kém vì chữ viết rất xấu dù bài văn của ông viết rất hay. -Cao Bá Quát vui vẻ nói: Tương việc gì khó, chứ việc ấy cháu xin sẵn lòng. <p>Ý đoạn 1: Cao Bá Quát viết chữ rất xấu.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Lá đơn của Cao Bá Quát vì chữ quá xấu, quan không đọc được nên thét lính đuổi bà cụ về, khiến bà cụ không giải được nỗi oan. <p>Ý đoạn 2: Sự ân hận của Cao Bá Quát.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Sáng sáng, ông cầm que vạch lên cột nhà luyện chữ viết cho cứng cáp. Mỗi tối, viết xong 10 trang vở ông mới đi ngủ; mượn những cuốn sách chữ viết đẹp làm mẫu; luyện viết liên tục suốt mấy năm trời - Mở bài (2 dòng đầu): Chữ viết xấu đã gây bất lợi cho Cao Bá Quát thuở đi học - Thân bài (từ Một hôm nhiều kiểu chữ khác nhau): Cao Bá Quát ân hận vì chữ viết xấu của mình đã làm hỏng việc của bà cụ hàng xóm nên quyết tâm luyện viết chữ cho đẹp -Kết bài(đoạn còn lại):Cao Bá Quát đã thành công, nổi danh là người văn hay chữ tốt. - Ý đoạn 3: Cao Bá Quát đã thành công, nổi danh là người văn hay chữ |

| | | |
|--|----|---|
| Truyện cho ta biết điều gì? | | tốt. - Nội dung chính: <i>Ca ngợi tính kiên trì, quyết tâm sửa chữ viết xấu để trở thành người viết chữ đẹp của Cao Bá Quát.</i> |
| 3.4Hoạt động 3: Hướng dẫn đọc diễn cảm - GV mời HS đọc tiếp nối nhau từng đoạn trong bài - GV hướng dẫn, nhắc nhở HS để các em tìm đúng giọng đọc bài văn & thể hiện diễn cảm Hướng dẫn kĩ cách đọc 1 đoạn văn - GV treo bảng phụ có ghi đoạn văn cần đọc diễn cảm (<i>Thuở đi học, cháu xin sẵn lòng</i>) - GV cùng trao đổi, thảo luận với HS cách đọc diễn cảm (ngắt, nghỉ, nhấn giọng) - GV sửa lỗi cho các em | 10 | - Mỗi HS đọc 1 đoạn theo trình tự các đoạn trong bài - HS nhận xét, điều chỉnh lại cách đọc cho phù hợp Thảo luận thầy–trò để tìm ra cách đọc phù hợp -HS luyện đọc diễn cảm đoạn văn theo cặp - HS đọc trước lớp - Đại diện nhóm thi đọc diễn cảm (đoạn, bài) trước lớp |
| 4. Củng cố Câu chuyện khuyên các em điều gì? - GV nhận xét tiết học | 2 | HS nêu theo ý hiểu |
| 5. Dặn dò Về nhà tiếp tục luyện đọc bài văn, chuẩn bị bài: Chú Đất Nung | 1 | Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu |

ĐẠO ĐỨC

TIẾT 13: HIẾU THẢO VỚI ÔNG BÀ, CHA MẸ (*Tiết 2*)

1.Kiến thức:

-Biết được ; Con cháu có bốn phận hiếu thảo với ông bà, cha mẹ để đền đáp công lao nuôi dạy của ông bà, cha mẹ .

-Biết thể hiện lòng hiếu thảo với ông , bà , cha mẹ bằng một số việc làm cụ thể trong cuộc sống hàng ngày ở gia đình

2.Kĩ năng:

-Biết thực hiện những hành vi, những việc làm thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ trong cuộc sống.

3. Thái độ:

- Kính yêu ông bà, cha mẹ.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

SGK

Sưu tầm tư liệu

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|-------------------------|----|------------------------|
|-------------------------|----|------------------------|

| | | |
|---|----|--|
| 1. Ôn định tổ chức lớp | 1 | HS chuẩn bị sách vở , đồ dùng học tập |
| 2. Kiểm tra bài cũ Hiếu thảo với ông bà, cha mẹ (t1) Yêu cầu HS nhắc lại ghi nhớ. GV nhận xét | 4 | - HS nêu - HS nhận xét |
| 3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài : Hiếu thảo với ông bà , cha mẹ | 1 | hs nghe và ghi tên bài |
| 3.2 Hoạt động1: Đóng vai (bài tập 3) - GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho nhóm thảo luận & đóng vai tranh 1 & tranh 2 - Phỏng vấn HS đóng vai cháu về cách ứng xử, HS đóng vai ông bà về cảm xúc khi nhận được sự quan tâm, chăm sóc của con cháu. - GV kết luận: <i>Con cháu hiếu thảo cần phải quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ, nhất là khi ông bà già yếu, ốm đau.</i> | 10 | - Các nhóm thảo luận & đóng vai - HS trả lời - Cả lớp thảo luận để nhận xét về cách ứng xử của từng vai trong mỗi nhóm. |
| 3.3Hoạt động 2: Thảo luận nhóm đôi (bài tập 4) - GV nêu yêu cầu - GV khen những HS đã biết hiếu thảo với ông bà, cha mẹ & nhắc nhở các HS khác học tập các bạn. | 6 | HS theo dõi - HS thảo luận nhóm đôi ghi nhanh ra giấy nháp những việc đã làm và những việc sắp làm và trình bày – HS nhận xét |
| 3.4Hoạt động 3: Trình bày, giới thiệu các sáng tác, tư liệu sưu tầm được - GV khen ngợi những nhóm trình bày khá giỏi. GV kết luận chung: - Ông bà, cha mẹ đã có công lao sinh thành, nuôi dưỡng chúng ta nên người. - Con cháu phải có bổn phận hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. | 7 | HS trình bày sản phẩm theo nhóm Ví dụ: + Áo mẹ cơm cha. + Ôn cha nặng lắm cha ơi Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang. + Cha sinh mẹ dưỡng. |
| 4. Củng cố Hằng ngày, em sẽ làm gì để thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ? | 2 | HS nêu những việc đã làm |

| | | |
|---|---|---|
| - Nhận xét tiết học | | |
| 5. Dặn dò Em hãy làm những việc cụ thể hàng ngày để bày tỏ lòng hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ. - Chuẩn bị bài:Biết ơn thầy giáo,cô giáo. | 1 | Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu |

TẬP LÀM VĂN
TIẾT 25: TRẢ BÀI VĂN KỂ CHUYỆN

I.MỤC TIÊU :

1.Kiến thức:

Biết rút kinh nghiệm về bài TLV kể chuyện (đúng ý, bố cục rõ, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả,...); tự sửa được các lỗi đã mắc trong bài viết theo sự hướng dẫn của GV.

2.Kĩ năng:

-Biết tham gia sửa lỗi chung & tự sửa lỗi trong bài làm của mình.

3. Thái độ: - HS biết sửa lỗi sai của mình và của bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

-Bảng phụ ghi trước một số lỗi điển hình về chính tả, dùng từ, đặt câu, ý cần chữa chung trước lớp

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|--|-----------|---|
| 1. Ổn định tổ chức lớp | 1 | HS chuẩn bị sách vở , đồ dùng học tập |
| 2. Kiểm tra bài cũ Bài văn kể chuyện có mấy phần ? | 1 | HS nêu |
| 3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Trả bài KT | 1 | |
| 3.2 Hoạt động1: GV nhận xét chung về kết quả bài viết của cả lớp -GV dán giấy viết đề bài kiểm tra lên bảng. - Nhận xét về kết quả làm bài: + Những ưu điểm chính: 1)HS hiểu đề, viết đúng yêu cầu của đề như thế nào? 2) Dùng đại từ nhân xưng có nhất quán không? (với các đề kể lại theo lời 1 nhân vật trong truyện, HS có thể mắc lỗi: phần đầu câu chuyện kể | 5 | - HS đọc lại các đề bài kiểm tra - HS theo dõi |

| | | |
|---|----|---|
| <p>theo lời nhân vật – xưng “tôi”, phần sau quên lại kể theo lời người dẫn chuyện)</p> <p>3) Diễn đạt câu, ý?</p> <p>4) Sự việc, cốt truyện, liên kết giữa các phần?</p> <p>5) Thể hiện sự sáng tạo khi kể theo lời nhân vật?</p> <p>6) Chính tả, hình thức trình bày bài văn?</p> <p>+ Những thiếu sót, hạn chế:</p> <p>1) Nêu các lỗi điển hình về ý, về dùng từ, đặt câu, đại từ nhân xưng, cách trình bày bài văn, chính tả</p> <p>2) Đưa bảng phụ có các lỗi phổ biến, yêu cầu HS thảo luận phát hiện lỗi, tìm cách sửa lỗi.</p> | | |
| <p>3.3Hoạt động 2: Hướng dẫn HS chữa bài</p> <p>GV yêu cầu từng HS làm việc cá nhân. Nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lời nhận xét của GV. - Đọc những chỗ GV chỉ lỗi trong bài. - Yêu cầu HS tự sửa lỗi trong bài của mình <p>Yêu cầu HS đổi bài làm cho bạn bên cạnh để soát lỗi còn sót, soát lại việc sửa lỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV theo dõi, kiểm tra HS làm việc. | 10 | <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm lại bài viết của mình, đọc kĩ lời phê của cô giáo, tự sửa lỗi. - HS đổi bài trong nhóm, kiểm tra bạn sửa lỗi. <p>HS nghe, trao đổi, thảo luận dưới sự hướng dẫn của GV để tìm ra cái hay, cái đáng học qua bài làm của bạn</p> |
| <p>3.4Hoạt động 3: HS chọn viết lại một đoạn trong bài làm của mình</p> <p>GV đọc so sánh 2 đoạn văn của vài HS: đoạn viết cũ với đoạn viết mới để giúp HS hiểu các em còn có thể</p> | 15 | <ul style="list-style-type: none"> - HS tự chọn đoạn văn cần viết lại - Ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> + Đoạn có nhiều lỗi, viết lại đúng chính tả. + Đoạn viết sai câu, diễn đạt rắc rối, viết lại cho trong sáng. + Đoạn viết đơn giản, viết lại cho hấp dẫn, sinh động. + Mở bài trực tiếp viết lại thành mở bài gián tiếp <p>HS thực hành viết lại đoạn văn cho</p> |

| | | |
|---|---|---|
| làm bài tốt hơn. | | hay hơn |
| 4. Củng cố GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập của HS; biểu dương những HS có bài viết hay, sinh động & những HS đã tham gia chữa bài tốt trong giờ học. | 2 | HS lắng nghe |
| 5. Dặn dò Yêu cầu HS viết bài chưa đạt về nhà viết lại Đọc trước nội dung bài <i>Ôn tập văn kể chuyện</i> | 1 | Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu |

TOÁN

TIẾT 64: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thực hiện được nhân với số có hai , ba chữ số .
- Biết vận dụng tính chất của phép nhân trong thực hành tính .
- Biết công thức tính (bằng chữ) và tính được diện tích hình chữ nhật

2. Kỹ năng: - HS biết làm tính nhanh, chính xác

3. Thái độ: hs thích học toán , phát triển tư duy

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

Bảng phụ chép sẵn bài tập 5.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|--|----|--|
| 1. Ổn định tổ chức lớp Kiểm tra sĩ số | 1 | HS báo cáo Hát |
| 2. Kiểm tra bài cũ Nhân với số có ba chữ số (tt) - GV yêu cầu HS làm lại bài tập 1 - GV nhận xét | 4 | - HS lên bảng sửa bài - HS cả lớp theo dõi nhận xét |
| 3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài: Luyện tập | 1 | HS nghe và ghi tên bài |
| 3.2 Hoạt động 2: Thực hành Bài tập 1: Gọi HS đọc yêu cầu bài Yêu cầu 1HS lên bảng + cả lớp làm bảng con. GV cùng HS sửa bài nhận xét | 8 | - HS cả lớp làm bảng con. $\begin{array}{r} 345 \\ \times 200 \\ \hline 69000 \end{array}$ $\begin{array}{r} 237 \\ \times 24 \\ \hline 948 \\ 474 \\ \hline 5688 \end{array}$ $\begin{array}{r} 346 \\ \times 403 \\ \hline 1038 \\ 1384 \\ \hline 139438 \end{array}$ |

| | | |
|--|---|---|
| <p><u>Bài tập 2:</u> Gọi HS đọc yêu cầu bài GV tổ chức cho HS thi đua cặp đôi+ cả lớp làm nháp. - Cả lớp tính xong, GV gọi ý để HS nhận xét. + 3 số trong mỗi dãy tính a, b, c là như nhau. + Phép tính khác nhau & kết quả khác nhau. + Khi tính có thể áp dụng nhân nhẩm với 11. GV nhận xét – tuyên dương</p> | 7 | <p>HS đọc yêu cầu bài + làm bài vào vở nháp</p> <p>a. $95 + 11 \times 206$ b. $95 \times 11 + 206$ $= 95 + 2266$ $= 1045 + 206$ $= 2361$ $= 1251$</p> <p>c. $95 \times 11 \times 206$ $= 1045 \times 206$ $= 215270$</p> |
| <p><u>Bài tập 3:</u> Gọi HS đọc yêu cầu bài + Bài tập yêu cầu ta điều gì? + Cần áp dụng tính chất nào? + Nêu tính chất giao hoán và kết quả của phép nhân</p> <p>GV cùng HS nhận xét –tuyên dương</p> | 7 | <p>HS đọc yêu cầu bài + 3HS lên bảng làm bài + cả lớp làm bài vào vở</p> <p>$142 \times 12 + 142 \times 18$ $4 \times 18 \times 25$ $= 142 \times (12 + 18)$ $= 4 \times 25 \times 18$ $= 142 \times 30$ $= 100 \times 18$ $= 4260$ $= 1800$</p> <p>$49 \times 365 - 39 \times 365$ $= (49 - 39) \times 365$ $= 10 \times 365 = 3650$</p> |
| <p><u>Bài tập 4:</u> Gọi HS đọc yêu cầu bài - Bài toán cho biết gì? - Bài toán hỏi gì? Yêu cầu cả lớp giải vào vở GV theo dõi giúp đỡ những HS còn lúng túng.</p> <p>GV chấm một số vở – nhận xét</p> | 8 | <p>HS đọc yêu cầu bài, ghi tóm tắt và giải vào vở</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>Số bóng điện lắp đủ 32 phòng học là: $8 \times 32 = 256$(bóng điện) Số tiền mua bóng điện để lắp đủ 32 phòng học là: $3500 \times 256 = 896\,000$(đồng) <u>Đáp số:</u> 896 000 đồng</p> |
| <p>4. Củng cố - Nêu tính chất giao hoán và kết quả của phép nhân - Nêu tính chất nhân một số với 1 tổng, 1 hiệu? - Nhận xét tiết học -</p> | 2 | <p>HS tiếp nối nhau nêu- HS khác nhận xét</p> <p>HS nêu nội dung bài học</p> |
| <p>5. Dặn dò Học bài, làm bài tập 5(giảm ý b)</p> | 1 | <p>Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu</p> |

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Tiết 26: CÂU HỎI VÀ DẤU CHẤM HỎI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hiểu được tác dụng của câu hỏi và dấu hiệu chính để nhận biết chúng (ND Ghi nhớ).

- Xác định được câu hỏi trong một văn bản (BT1, mục III); bước đầu biết đặt câu hỏi để trao đổi theo nội dung, yêu cầu cho trước (BT2, BT3).

HS khá, giỏi đặt được câu hỏi để tự hỏi mình theo 2, 3 nội dung khác nhau.

2. Kỹ năng:

- Xác định được câu hỏi trong một văn bản, đặt được câu hỏi thông thường.

3. Thái độ:

- Yêu thích tìm hiểu Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Bảng phụ kẻ các cột: *Câu hỏi – Của ai – Hỏi ai – Dấu hiệu* theo nội dung BT1, 2, 3

| Câu hỏi | Của ai | Hỏi ai | Dấu hiệu |
|--|---------------|--------------|---------------------------------------|
| 1) Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được? | Xi-ôn-cốp-ki | Tự hỏi mình | - Từ <i>vì sao</i> - Dấu chấm hỏi |
| 2) Cậu làm thế nào mà mua được nhiều sách vở & dụng cụ thí nghiệm như thế? | Một người bạn | Xi-ôn-cốp-ki | - Từ <i>thế nào</i> - Dấu chấm hỏi |

Bút dạ + phiếu khổ to kẻ bảng nội dung BT1 (Phần luyện tập)

| tt | câu hỏi | câu hỏi của ai ? | Để hỏi ai ? | Từ nghi vấn |
|----|------------------|------------------|-------------|-------------|
| 1 | Con vừa bảo gì ? | mẹ | hỏi Cương | gì |
| | | | | |
| | | | | |

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|-------------------------------|----|---------------------------------------|
| 1. Ôn định tổ chức lớp | 1 | HS chuẩn bị sách vở , đồ dùng học tập |

| | | |
|--|---|--|
| <p>2. Kiểm tra bài cũ Mở rộng vốn từ: ý chí – nghị lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV kiểm tra 2 HS Thế nào là ý chí? - Thế nào là nghị lực? - GV nhận xét | 4 | <p>1 HS làm lại BT1</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc đoạn văn viết về người có ý chí, nghị lực (BT3) HS nhận xét |
| <p>3 Bài mới</p> <p>3.1 Giới thiệu bài : câu hỏi và dấu chấm hỏi</p> | 1 | HS nghe và ghi tên bài |
| <p>3.2 Hoat động1: Hướng dẫn phần nhận xét</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV treo bảng phụ viết một bảng gồm các cột: <i>Câu hỏi – Của ai – Hỏi ai – Dấu hiệu</i>, lần lượt điền nội dung vào từng cột khi HS thực hiện các bài tập 1, 2, 3 <p>Bài tập 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chép những câu hỏi trong truyện vào cột câu hỏi: <i>Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được? Cậu làm thế nào mà mua được nhiều sách vở & dụng cụ thí nghiệm như thế?</i> <p>Bài tập 2, 3</p> <p>GV ghi kết quả vào bảng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời 2 HS đọc bảng kết quả. | 8 | <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài tập - Từng em đọc thầm bài <i>Người tìm đường lên các vì sao</i>, phát biểu - HS đọc yêu cầu của bài - HS trả lời - 2 HS đọc bảng kết quả. |
| <p>3.3 Ghi nhớ kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc thầm phần ghi nhớ | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm phần ghi nhớ - 3 – 4 HS lần lượt đọc to phần ghi nhớ trong SGK |
| <p>3.4 Hoat động 2: Hướng dẫn luyện tập</p> <p>Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV phát riêng phiếu cho vài HS - GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng. | 7 | <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài tập - Cả lớp đọc thầm bài : - 1. <i>Thưa chuyện với mẹ</i>, - 2. <i>Hai bàn tay</i> - Những HS làm bài trên phiếu trình bày kết quả bài làm trên bảng lớp. - Cả lớp nhận xét, chốt lại lời giải đúng |
| <p>Bài tập 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập | 7 | <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài tập, đọc cả ví dụ - 1 cặp HS làm mẫu |

| | | |
|--|---|--|
| <p>- GV mời 1 cặp HS làm mẫu. GV viết lên bảng 1 câu văn. Hai HS suy nghĩ, sau đó thực hành hỏi – đáp trước lớp.</p> <p>-GV cùng HS nhận xét, bình chọn cặp hỏi – đáp thành thạo, tự nhiên, đúng ngữ điệu.</p> | | <p>- Từng cặp HS đọc thầm bài <i>Văn hay chữ tốt</i>, chọn 3 câu trong bài, viết các câu hỏi liên quan đến nội dung các câu văn đó, thực hành hỏi – đáp.</p> <p>HS1: Về nhà, bà cụ làm gì? HS2: Bà cụ kể lại câu chuyện cho Cao Bá Quát nghe. HS3: Bà kể lại chuyện gì? HS4: Bà kể lại chuyện bị quan bị lính đuổi ra khỏi huyện đường. HS5: Vì sao Cao Bá Quát lại ân hận? HS6: Vì Cao Bá Quát viết chữ xấu mà bà cụ không giải được nỗi oan.</p> <p>- Cả lớp cùng GV nhận xét, bình chọn cặp hỏi – đáp thành thạo, tự nhiên, đúng ngữ điệu.</p> |
| <p>Bài tập 3: Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <p>- GV gợi ý các tình huống: + HS có thể tự hỏi về 1 bài học đã qua, 1 cuốn sách cần tìm, 1 bộ phim đã xem, 1 đồ dùng đã mua, 1 công việc mẹ bảo làm</p> <p>+ Nhắc HS nói đúng ngữ điệu câu hỏi – tự hỏi mình.</p> <p>- GV cùng HS nhận xét</p> | 6 | <p>- HS đọc yêu cầu của bài tập, mỗi em đặt 1 câu hỏi để tự hỏi mình</p> <p>- HS lần lượt đọc câu hỏi mình đã đặt.</p> <p>Ví dụ: + Vì sao mình không giải được bài toán này nhỉ? + Sáng nay, mẹ dặn mình làm gì nhỉ? + Quyển sách này của ai? </p> |
| <p>4. Củng cố Yêu cầu HS nhắc lại nội dung cần ghi nhớ.</p> | 2 | HS nêu nội dung ghi nhớ |
| <p>5. Dặn dò - Yêu cầu HS về nhà viết lại vào vở 4 câu hỏi vừa đặt ở lớp - Chuẩn bị bài: Luyện tập về câu hỏi</p> | 1 | Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu |

KĨ THUẬT

TIẾT 13: THÊU MÓC XÍCH (tiết 1).

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:

- Biết cách thêu móc xích

Thêu được mũi thêu móc xích . Các mũi thêu tạo thành những vòng chỉ móc nối tiếp tương đối đều nhau . Thêu được ít nhất 5 vòng móc xích . Đường thêu có thể bị dúm .

2. **Kĩ năng:** HS thêu được các mũi thêu móc xích.

3. **Thái độ:** HS hứng thú học thêu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

Giáo viên :

- Tranh quy trình thêu móc xích ; Mẫu thêu và một số sản phẩm có kích thước đủ lớn được thêu và trang trí bằng mũi thêu móc xích .

- Vật liệu và dụng cụ như : 1 mảnh vải trắng có kích thước 20 cm x 30 cm .

- Chỉ; Kim , kéo, thước , phấn vạch .

Học sinh :

- 1 số mẫu vật liệu và dụng cụ như GV .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|--|-----------|---|
| 1. Ổn định tổ chức lớp | 1 | HS chuẩn bị sách vở , đồ dùng học tập |
| 2. Kiểm tra bài cũ - Nhận xét chung các sản phẩm của bài trước. | 4 | HS trưng bày sản phẩm vào góc trưng bày. |
| 3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Bài “Thêu móc xích” | 1 | Hs nghe và ghi tên bài |
| 3.2 Hoạt động 1: HDHS quan sát và nhận xét mẫu - Giới thiệu mẫu và yêu cầu HS nhận xét và nêu đặc điểm của đường thêu móc xích. - Yêu cầu HS nêu khái niệm thêu móc xích. - Giới thiệu một số sản phẩm và yêu cầu HS nêu ứng dụng của mũi móc xích. | 10 | - Mặt phải là những vòng chỉ nhỏ như móc xích. - Mặt trái là những mũi chỉ bằng nhau như mũi đột mau. - Thêu móc xích còn có tên là thêu dây chuyền là thêu để tạo thành những vòng chỉ nối tiếp nhau giống chuỗi mắt xích. |
| 3.3 Hoạt động 2: HD thao tác kĩ thuật - Treo quy trình thêu móc xích yêu cầu nhận xét sự giống và khác nhau về cách vạch đường dấu. - Vạch dấu và chấm các điểm cách đều nhau 2cm. - Yêu cầu HS quan sát hình 3 và đọc nội dung 2. - Hướng dẫn HS thao tác mũi thứ nhất và mũi thứ hai. - Hướng dẫn HS tiếp tục thao tác các | 15 | Cách vạch dấu giống như các đường khâu đã học, chỉ khác cách ghi thứ tự ngược lại. - Thao tác mũi thứ nhất và mũi thứ hai. |

| | | |
|---|---|--|
| mũi tiếp theo. -Hướng dẫn cách kết thúc đường thêu. -Lưu ý cho HS một số điểm:Thêu từ trái sang; Mỗi mũi thêu cần tạo thành vòng chỉ và xuống kim phía trong để tạo vòng chỉ, kéo lên được mũi móc xích; lên kim xuống kim ngay đường vạch dấu; kết thúc đường thêu bằng cách đưa mũi thêu ra ngoài chặn lại vòng chỉ. -Yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ. | | -Quan sát và đọc SGK và nêu -HS thao tác trên giấy mũi 1 và mũi 2. -2HS đọc ghi nhớ. |
| 4. Củng cố Nêu quy trình thêu móc xích. -Nhận xét tiết học | 2 | HS nêu quy trình thêu |
| 5. Dặn dò Chuẩn bị vật liệu dụng cụ cho bài sau: Thêu móc xích(t2) | 1 | Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu |

TOÁN

TIẾT 65: LUYỆN TẬP CHUNG

I.MỤC TIÊU :

1. Kiến thức :

- Chuyển đổi được đơn vị đo khối lượng ; diện tích(cm^2, dm^2, m^2)
- Thực hiện được với nhân với số có hai, ba chữ số .
- Biết vận dụng tính chất của phép nhân trong thực hành tính, tính nhanh

2. Kỹ năng: - HS biết làm tính nhanh, chính xác.

3. Thái độ: hs yêu thích học toán

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Bảng phụ chép sẵn nội dung bài tập 1,3 .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|---|----|--|
| 1. Ổn định tổ chức lớp Kiểm tra sĩ số | 1 | HS báo cáo Hát |
| 2. Kiểm tra bài cũ - Gọi 2 HS lên bảng làm bài tập 5 - GV chấm vở một số HS - GV nhận xét | 4 | 2 HS lên bảng làm bài tập 5 $a = 12cm; \quad b = 5cm$ $S = a \times b = 12 \times 5 = 60(cm^2)$ $a = 15cm; \quad b = 10cm$ $S = a \times b = 15 \times 10 = 150(cm^2)$ |
| 3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài : Luyện tập chung | 1 | HS nghe và ghi tên bài |

| | | |
|---|---|---|
| <p>3.2 Luyện tập: Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu bài - GV treo bảng phụ yêu cầu HS lên bảng điền. <p>GV cùng HS chấm chữa bài</p> | 6 | <p>HS đọc yêu cầu bài, làm bài vào vở BT</p> <p>a. $10\text{kg} = 1 \text{ yến}$ $100\text{kg} = 1 \text{ tạ}$ $50\text{kg} = 5 \text{ yến}$ $300\text{kg} = 3 \text{ tạ}$ $80\text{kg} = 8 \text{ yến}$ $1200\text{kg} = 12 \text{ tạ}$</p> <p>b. $1000\text{kg} = 1 \text{ tấn}$ $10 \text{ tạ} = 1 \text{ tấn}$ $8000\text{kg} = 8 \text{ tấn}$ $30 \text{ tạ} = 3 \text{ tấn}$ $15000\text{kg} = 15 \text{ tấn}$ $200 \text{ tạ} = 20 \text{ tấn}$</p> <p>c $100 \text{ cm}^2 = 1 \text{ dm}^2$ $100 \text{ dm}^2 = 1 \text{ m}^2$ $800 \text{ cm}^2 = 8 \text{ dm}^2$ $900 \text{ dm}^2 = 9 \text{ m}^2$ $1700 \text{ cm}^2 = 17 \text{ dm}^2$ $1000 \text{ dm}^2 = 10 \text{ m}^2$</p> |
| <p>Bài tập 2: Gọi HS đọc yêu cầu bài Tính Bài tập yêu cầu gì?</p> | 6 | <p>HS đọc yêu cầu bài, làm bài vào vở nháp</p> <p>Phần a, b tính hàng dọc</p> <p>Phần c tính như tính giá trị biểu thức</p> $\begin{array}{r} 324 \\ \times 250 \\ \hline 16200 \\ 648 \\ \hline 81000 \end{array}$ $\begin{array}{r} 475 \\ \times 205 \\ \hline 2375 \\ 950 \\ \hline 97375 \end{array}$ <p>c. $45 \times 12 + 8$ $45 \times (12 + 8)$ $= 540 + 8$ $= 45 \times 20$ $= 548$ $= 900$</p> |
| <p>Bài tập 3: Gọi HS đọc yêu cầu bài: Tính bằng cách thuận tiện GV tổ chức cho học sinh thi đua theo cặp</p> <p>GV cùng HS nhận xét – sửa bài</p> | 6 | <p>HS đọc yêu cầu bài</p> <p>a. $2 \times 39 \times 5$ $= (2 \times 5) \times 39$ $= 10 \times 39$ $= 390$</p> <p>b. $302 \times 16 + 302 \times 4$ $= 302 \times (16 + 4)$ $= 302 \times 20$ $= 6040$</p> <p>c. $769 \times 85 - 769 \times 75$ $= 769 \times (85 - 75)$ $= 769 \times 10$ $= 7690$</p> |
| <p>Bài tập 4: Gọi HS đọc yêu cầu bài Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?</p> | 7 | <p>HS đọc yêu cầu bài, tự tóm tắt và về nhà trình bày vào vở</p> <p><u>Tóm tắt:</u> Vòi thứ nhất: 25 lít : 1 phút Vòi thứ hai: 15 lít : 1 phút 1 giờ 15 phút:..... lít?</p> |

| | | |
|--|---|---|
| GV chấm 1 số vở- sửa bài | | <p>Bài giải:</p> <p>Đổi 1 giờ 15 phút = 75 phút</p> <p>Trong 1 phút hai vòi nước chảy được</p> $25 + 15 = 40 \text{ (lít)}$ <p>Trong 1 giờ 15 phút 2 vòi chảy được</p> $40 \times 75 = 3000 \text{ (lít)}$ <p>Đáp số: 3000 lít</p> |
| <p>Bài tập 5:</p> <p>HS đọc đề bài</p> <p>GV hướng dẫn cả lớp làm</p> | 5 | <p>Viết công thức tính diện tích hình vuông</p> $S = a \times a$ <p>Tính S khi a = 25 m</p> <p>Khi a = 25 m thì Diện tích là</p> $25 \times 25 = 625 \text{ m}^2$ |
| <p>4. Củng cố</p> <p>- Nêu tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân</p> <p>- Nêu cách nhân 1 số với 1 tổng (hiệu)</p> | 2 | <p>HS nêu</p> <p>Hs nhận xét</p> |
| <p>5. Dặn dò</p> <p>- Làm bài tập 5 và chuẩn bị bài cho tiết học sau</p> <p>Nhận xét tiết học</p> | 1 | Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu |

TẬP LÀM VĂN

TIẾT 26: ÔN TẬP VĂN KỂ CHUYỆN

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:

Nắm được một số đặc điểm đã học về văn kể chuyện (nội dung, nhân vật, cốt truyện); kể được một câu chuyện theo đề tài cho trước; nắm được nhân vật, tính cách của nhân vật và ý nghĩa câu chuyện đó để trao đổi với bạn.

2. Kỹ năng:

- Kể được một câu chuyện theo đề tài cho trước. Trao đổi được với các bạn về nhân vật, tính cách nhân vật, ý nghĩa câu chuyện, kiểu mở đầu & kết thúc câu chuyện.

3. Thái độ : HS yêu thích môn học

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Bảng phụ ghi tóm tắt một số kiến thức về văn kể chuyện.

| | |
|----------------------|---|
| Văn kể chuyện | <p>❖ Kể lại một chuỗi sự việc có đầu có cuối, liên quan đến một hay một số nhân vật.</p> <p>- Mỗi câu chuyện cần nói lên một điều có ý nghĩa.</p> |
| Nhân vật | <p>❖ Là người hay các con vật, đồ vật, cây cối được nhân hoá.</p> <p>- Hành động, lời nói, suy nghĩ của nhân vật nói lên</p> |

| | |
|-------------------|--|
| Cốt truyện | tính cách nhân vật. - Những đặc điểm ngoại hình tiêu biểu góp phần nói lên tính cách, thân phận của nhân vật. ❖Cốt truyện thường gồm 3 phần: mở đầu – diễn biến – kết thúc. - Có 2 kiểu mở bài: trực tiếp hoặc gián tiếp. Có 2 kiểu kết bài: mở rộng hoặc không mở rộng |
|-------------------|--|

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|---|----|---|
| 1. Ôn định tổ chức lớp | 1 | HS chuẩn bị sách vở , đồ dùng học tập |
| 2. Kiểm tra bài cũ: GV kiểm tra bài chữa của một số HS – Nhận xét | 4 | |
| 3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Từ đầu năm học tới nay, các em đã học 18 tiết TLV kể chuyện. Tiết học hôm nay – tiết thứ 19 – là tiết cuối cùng dạy văn kể chuyện ở lớp 4. Chúng ta hãy cùng nhau ôn lại những kiến thức đã học. | 1 | HS nghe và ghi tên bài |
| 3.2 Hoạt động 2: Hướng dẫn ôn tập Bài tập 1: - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng: + Đề 1: thuộc loại văn viết thư. + Đề 2: thuộc loại văn kể chuyện. + Đề 3: thuộc loại văn miêu tả. | 5 | HS đọc yêu cầu bài tập - Cả lớp đọc thầm lại, suy nghĩ, phát biểu ý kiến. a/ Đề thuộc loại văn kể chuyện: Đề 2 b/ Vì khi làm đề này, HS phải kể 1 câu chuyện có nhân vật, có cốt truyện, diễn biến, ý nghĩa Nhân vật này là tấm gương rèn luyện thân thể. Nghị lực & quyết tâm của nhân vật đáng được ca ngợi, noi theo. |
| Bài tập 2, 3: GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV treo bảng phụ, viết sẵn phần tóm tắt, mời HS đọc + Thế nào là kể chuyện? + Nhân vật trong truyện là gì? | 25 | - HS đọc yêu cầu bài tập - HS đọc + Kể lại một chuỗi sự việc có đầu có cuối, liên quan đến một hay một số nhân vật. Mỗi câu chuyện cần nói lên một điều có ý nghĩa. + Là người hay các con vật, đồ vật, cây cối được nhân hoá. |

| | | |
|---|---|--|
| <p>+ Hành động nhân vật nói lên điều gì?</p> <p>+ Đặc điểm ngoại hình nhân vật cho biết gì?</p> <p>+ Thế nào là cốt truyện?</p> <p>+ Có mấy kiểu mở bài , kết bài ?</p> <p>* HS kể theo nhóm và trao đổi nội dung câu chuyện theo gợi ý bài 3</p> | | <p>+ Hành động nhân vật nói lên tính cách nhân vật.</p> <p>+ Đặc điểm ngoại hình nhân vật cho biết tính cách, thân phận của nhân vật.</p> <p>+ Cốt truyện thường gồm 3 phần: mở đầu – diễn biến – kết thúc.</p> <p>- Có 2 kiểu mở bài: trực tiếp hoặc gián tiếp. Có 2 kiểu kết bài:mở rộng hoặc không mở rộng.</p> <p>- Vài HS nói về đề tài câu chuyện mà mình chọn kể</p> <p>- HS viết nhanh dàn ý câu chuyện.</p> <p>- Từng cặp HS thực hành kể chuyện, trao đổi về câu chuyện vừa kể theo yêu cầu BT3.</p> <p>- HS thi kể chuyện trước lớp. Mỗi em kể chuyện xong sẽ trao đổi, đối thoại cùng các bạn về nhân vật trong truyện / tính cách nhân vật / ý nghĩa câu chuyện / cách mở đầu, kết thúc câu chuyện.</p> |
| <p>4. Củng cố GV nhận xét giờ học tuyên dương hs tích cực phát biểu ý kiến trong giờ học Yêu cầu HS về nhà viết lại tóm tắt những kiến thức về văn kể chuyện để ghi nhớ.</p> | 2 | HS nghe |
| <p>5. Dặn dò Chuẩn bị bài: Thế nào là miêu tả?</p> | 1 | Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu |

ĐỊA LÍ

TIẾT 13: NGƯỜI DÂN Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

I.MỤC TIÊU :

1.Kiến thức:

Đồng bằng Bắc bộ là nơi dân cư tập trung đông nhất cả nước , Người dân sống ở ĐBBB chủ yếu là người Kinh

- Sử dụng tranh, ảnh mô tả nhà ở , trang phục truyền thống của người dân
- + Nhà ở thường xây chắc chắn , xung quanh có sân , vườn , ao ..

+ Trang phục truyền thống của nam là quần trắng , áo the dài đầu đội khăn xếp đen ; của nữ là váy đen ,áo dài tứ thân bên trong mặc yếm đỏ , lưng thắt khăn lụa ,đầu vấn tóc và chít khăn mỏ quạ

2.Kĩ năng:

- HS biết dựa vào tranh ảnh để tìm kiến thức.
- Trình bày một số đặc điểm về nhà ở, làng xóm, trang phục & lễ hội của người Kinh ở đồng bằng Bắc Bộ.
- Bước đầu hiểu sự thích nghi của con người với thiên nhiên thông qua cách xây dựng nhà ở của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ.

3.Thái độ:

- Có ý thức tôn trọng thành quả lao động của người dân & truyền thống văn hoá của dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Tranh ảnh về nhà ở truyền thống & hiện nay, làng quê, trang phục, lễ hội của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|--|----|---|
| 1. Ổn định tổ chức lớp | 1 | HS chuẩn bị sách vở , đồ dùng học tập |
| 2. Kiểm tra bài cũ - Chỉ trên bản đồ & nêu vị trí, hình dạng của đồng bằng Bắc Bộ? - Trình bày đặc điểm của địa hình & sông ngòi của đồng bằng Bắc Bộ? - Đê ven sông có tác dụng gì? - GV nhận xét | 4 | HS trả lời - HS nhận xét |
| 3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Người dân ở đồng bằng Bắc Bộ thuộc dân tộc nào? Nhà ở, trang phục của người dân nơi đây có đặc điểm gì? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học: Người dân ở đồng bằng Bắc Bộ. | 1 | HS nghe và ghi tên bài |
| 3.2 Hoạt động1: Hoạt động cả lớp Yêu cầu HS đọc thông tin SGK trả lời câu hỏi: - Người dân ở đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là người thuộc dân tộc nào? - Đồng bằng Bắc Bộ là nơi đông dân hay thưa dân? - Làng người Kinh có nhiều nhà hay ít nhà? | 13 | HS đọc thông tin SGK suy nghĩ trả lời câu hỏi + Người dân ở đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là người Kinh. + Nơi đây là nơi đông dân nhất của cả nước. + Làng người Kinh có nhiều nhà quây quần bên nhau. |

| | | |
|--|----|---|
| <p>-Nhà ở của họ xây dựng như thế nào? Có đặc điểm gì?</p> <p>- Ngày nay nhà ở và làng xóm của người dân thay đổi như thế nào?</p> <p>- GV kết luận: Trong một năm, đồng bằng Bắc Bộ có hai mùa nóng, lạnh khác nhau. Mùa đông thường có gió mùa Đông Bắc mang theo khí lạnh từ phương Bắc thổi về, trời ít nắng; mùa hạ nóng, có gió mát từ biển thổi vào... Vì vậy, người ta thường làm nhà cửa có cửa chính quay về hướng Nam để tránh gió rét vào mùa đông & đón ánh nắng vào mùa đông; đón gió biển thổi vào mùa hạ. Đây là nơi hay có bão (gió rất mạnh & mưa rất lớn) hay làm đổ nhà cửa, cây cối nên người dân phải làm nhà kiên cố, có sức chịu đựng được bão...</p> | | <p>+ Nhà ở được xây dựng chắc chắn, xung quanh có lũy tre bao bọc. Để chống lại sức mạnh của bão.</p> <p>+ Ngày nay nhà ở và làng xóm của người dân có nhiều thay đổi, làng có nhiều nhà cao tầng. Các đồ dùng trong nhà tiện nghi hơn.</p> |
| <p>3.3Hoạt động 2: Thi thuyết trình theo nhóm GV yêu cầu HS thi thuyết trình dựa theo sự gợi ý sau:</p> <p>- Hãy nói về trang phục truyền thống của người Kinh ở đồng bằng Bắc Bộ?</p> <p>- Người dân ở đồng bằng Bắc Bộ thường tổ chức lễ hội vào thời gian nào? Nhằm mục đích gì?</p> <p>- Trong lễ hội, người dân thường tổ chức những hoạt động gì? Kể tên một số hoạt động trong lễ hội mà em biết?</p> <p>- Kể tên một số lễ hội nổi tiếng của người dân đồng bằng Bắc Bộ? GV kể thêm một số lễ hội của người dân đồng bằng Bắc Bộ</p> | 13 | <p>- HS trong nhóm lựa chọn tranh ảnh sưu tầm được, kênh chữ trong SGK để thuyết trình về trang phục & lễ hội của người dân đồng bằng Bắc Bộ.</p> <p>+ Trang phục truyền thống của người Kinh ở đồng bằng Bắc Bộ áo dài, quần trắng, váy đen, áo dài tứ thân.....</p> <p>+ Người dân ở đồng bằng Bắc Bộ thường tổ chức lễ hội vào mùa xuân và mùa thu để cầu cho năm mới mạnh khỏe, mùa màng bội thu.</p> <p>+ Trong lễ hội, người dân thường mặc trang phục truyền thống, họ tổ chức tế lễ, vui chơi, giải trí.</p> <p>+ Một số lễ hội nổi tiếng ở đồng bằng Bắc Bộ: hội Lim, hội chùa Hương, hội Đền Hùng, hội Gióng.</p> |
| <p>4. Củng cố GV yêu cầu HS đọc nội dung ghi nhớ cuối bài</p> | 2 | <p>HS nêu nội dung bài học HS liên hệ trả lời</p> |